

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4210**/KH-UBND

Quảng Trị, ngày **25** tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Nghị quyết số 66.22/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về phát triển công dân số; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, thống nhất và hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về phát triển công dân số theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của địa phương.

- Tạo động lực cho công dân tích cực tham gia vào môi trường số, lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, mục tiêu, động lực chính của quá trình phát triển công dân số.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về quyền, trách nhiệm và lợi ích của công dân số; góp phần thúc đẩy sử dụng các dịch vụ số trên các lĩnh vực của đời sống.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm bám sát mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp của Chính phủ; phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Quảng Trị. Tuân thủ Hiến pháp, các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; không làm phát sinh nghĩa vụ, hạn chế quyền ngoài phạm vi luật định.

- Xác định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, địa phương; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chi tiết bảo đảm nguyên tắc 6 rõ¹, tổ chức phân công trách nhiệm rõ ràng, gắn với trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc, giám sát của Thủ trưởng, người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

- Đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa phát triển công dân số với chiến lược chuyển đổi số quốc gia, phát triển dữ liệu, Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

- Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xử lý các “điểm nghẽn”; cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

¹ Rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả.

Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu căn cứ nội dung nhiệm vụ và phân công trách nhiệm được giao quán triệt tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời, chất lượng, hiệu quả, bảo đảm theo lộ trình tiến độ đề ra (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này*).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thẩm định, tổng hợp, trình UBND tỉnh (*qua Sở Tài chính*) xem xét, quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 chỉ đạo, điều hành toàn diện các nhiệm vụ của Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

2. Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

3. Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh (*viết gọn là Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh*)

Trực tiếp làm việc với các sở, ngành, địa phương để đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, đột xuất tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương tình hình, kết quả thực hiện tại địa phương, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tổ công tác sử dụng bộ máy giúp việc là Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh, Phòng Khoa giáo Văn xã - Văn phòng UBND tỉnh và được huy động chuyên gia để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Công an tỉnh

- Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch, giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các tồn tại, hạn chế, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Trường hợp cần thiết, phối hợp các đơn vị liên quan đề xuất bổ sung, điều chỉnh nội dung Kế hoạch bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan.

- Hàng năm, căn cứ kế hoạch này và hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, tham mưu lồng ghép việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể vào kế hoạch thực hiện Đề án 06 hàng năm của UBND tỉnh bảo đảm thống nhất.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch tại các sở, ban, ngành, địa phương; tham mưu sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và báo cáo theo quy định.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách, phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách và quy định của Luật Ngân sách nhà nước cùng các quy định pháp luật có liên quan.

6. Các sở, ban, ngành, địa phương

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

- Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này và các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chi tiết; gửi đến Công an tỉnh và UBND tỉnh trước ngày **25/8/2026** để theo dõi, phối hợp;

- Chủ động đề xuất, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn công dân về các chính sách ưu đãi, quyền lợi và cách thức thực hiện dịch vụ công theo quy định.

7. Chế độ báo cáo:

- Định kỳ trước ngày **10 hàng tháng**, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo (*lồng ghép bổ sung vào chế độ báo cáo định kỳ về Đề án 06 mục "Tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ Phát triển công dân số"*).

- Hàng năm, trước ngày 01 tháng 10, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã gửi báo cáo công tác năm về nhiệm vụ phát triển Công dân số đến Công an tỉnh. Công an tỉnh tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh đến UBND tỉnh trước ngày 10/10 hàng năm.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu và hướng dẫn của Cơ quan Thường trực (*Công an tỉnh*). Quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo bằng văn bản gửi về UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an (V01, C06, C12);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Công an xã, phường, đặc khu;
- Chánh VP, Phó Chánh VP Lê Hữu Phước;
- Lưu: VT, KGVX_{PTTP}.



CHỦ TỊCH

Lê Hồng Vinh

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG DÂN SỐ
*(Kèm theo Kế hoạch số **4210** /KH-UBND ngày **25/8/2026** của UBND tỉnh Quảng Trị)*

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
1.	Thiết kế, tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến để áp dụng trực tiếp các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm bình đẳng, thuận tiện, lấy người dân làm trung tâm và thực hiện công bố theo quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện theo phạm vi trách nhiệm của địa phương	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã.	Hoàn thành theo thời hạn bảo đảm áp dụng trực tiếp các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết này ¹ .	Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh có áp dụng chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này được thiết kế, tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến để áp dụng trực tiếp các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm bình đẳng, thuận tiện, lấy người dân làm trung tâm và thực hiện công bố theo quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

¹ Nghị quyết này có hiệu lực thi hành là từ ngày **15/8/2026**.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
2.	Rà soát, tái cấu trúc quy trình các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương theo hướng tích hợp phương thức chữ ký số công cộng trên ứng dụng định danh quốc gia để ký số trên các biểu mẫu, tờ khai.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh), Công an tỉnh theo phạm vi trách nhiệm của địa phương	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã.	Hoàn thành theo thời hạn bảo đảm áp dụng các chính sách ưu đãi đúng với quy định	Tổng hợp báo cáo kết quả về Bộ Công an tổng hợp, báo cáo Chính phủ
3.	Đẩy mạnh cấp tài khoản định danh điện tử mức 2 cho công dân Việt Nam phục vụ việc thực hiện các chính sách của Nhà nước khuyến khích công dân số.	Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo phạm vi chức năng	Các Sở, ban, ngành liên quan	Thường xuyên, trọng tâm trong giai đoạn Nghị quyết có hiệu lực (15/8/2026 - 28/2/2027).	Công dân đủ điều kiện được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 theo quy định.
4.	Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân thực hiện tích hợp các thông tin, giấy tờ để phục vụ việc thực hiện các chính sách của Nhà nước khuyến khích công dân số (<i>nhất là chính sách miễn, giảm phí, lệ phí trong thực hiện một số thủ tục hành</i>	Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Sở Nội vụ;	Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các doanh nghiệp đồng hành; các	Thường xuyên, trọng tâm trong giai đoạn Nghị quyết	Công dân đủ có thể sử dụng các thông tin, giấy tờ được tích hợp để phục vụ áp dụng thực hiện các chính sách của Nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
	<i>chính, giao dịch theo quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Nghị quyết 66.22/NQQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ), trọng tâm là 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản trên ứng dụng VNeID tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết: (1) Giấy khai sinh, (2) thông tin thẻ ngân hàng/tài khoản thanh toán/ví điện tử/tài khoản tiền di động, (3) thông tin tài khoản an sinh xã hội, (4) thông tin sổ thuê bao di động, (5) Sổ sức khoẻ điện tử lên ứng dụng VNeID.</i>	Bảo hiểm xã hội tỉnh; Ngân hàng nhà nước KV8; các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo phạm vi chức năng	ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh.	có hiệu lực (15/8/2026 - 28/2/2027).	khuyến khích công dân số theo quy định.
5.	Bảo đảm các điều kiện để công dân thực hiện quyền tiếp cận, sử dụng dịch vụ số, có chính sách hỗ trợ các nhóm yếu thế trong việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ số theo phạm vi trách nhiệm của địa phương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các doanh nghiệp đồng hành, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Công dân thực hiện được quyền tiếp cận, sử dụng dịch vụ số theo quy định
6.	Triển khai tích hợp tiện ích, dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng được cấp trên ứng dụng định danh quốc gia trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính theo phạm vi trách nhiệm của địa phương.	Các sở, ban, ngành, địa phương, các doanh nghiệp viễn thông, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã thực hiện theo chức năng.	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên, trọng tâm trong giai đoạn Nghị quyết có hiệu lực (15/8/2026 - 28/2/2027).	Công dân có thể sử dụng dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng được cấp trên ứng dụng định danh quốc gia trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
7.	Cập nhật, cấu hình Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đảm bảo việc thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết này.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2026	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật, cấu hình đồng bộ với Trung ương đảm bảo việc thu phí, lệ phí của người dân và doanh nghiệp thực hiện theo quy định.
8.	Phối hợp Bộ Công an kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để làm căn cứ áp dụng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Theo lộ trình thực hiện của Bộ Công an	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động phục vụ áp dụng các chính sách ưu đãi quy định
9.	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn công dân về các chính sách ưu đãi, quyền lợi và cách thức thực hiện dịch vụ công theo quy định tại Nghị quyết này.	Các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể, UBND cấp xã	Các doanh nghiệp đồng hành, đơn vị có liên quan	Thường xuyên, trọng tâm là trước, trong giai đoạn Nghị quyết có hiệu lực (15/8/2026 - 28/2/2027).	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về các chính sách ưu đãi, quyền lợi và cách thức thực hiện dịch vụ công theo quy định được tổ chức thực hiện hiệu quả, thiết thực.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
10.	Phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06, các tổ chức đoàn thể cơ sở trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích công dân số,	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp đồng hành.	Thường xuyên, trọng tâm trong giai đoạn Nghị quyết có hiệu lực (15/8/2026 - 28/2/2027).	Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06, các tổ chức đoàn thể cơ sở tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích công dân số.
11.	Đề xuất, bố trí nguồn lực, kinh phí cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tài chính	Thường xuyên	Báo cáo đề xuất bố trí kinh phí gửi Sở Tài chính.
12.	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp nhu cầu kinh phí, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách, phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên	Quyết định của UBND tỉnh duyệt bố trí kinh phí theo quy định.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
13.	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch tại các sở, ban, ngành, địa phương; chấn chỉnh, xử lý các tồn tại, hạn chế, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tham mưu sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo theo quy định.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên	
14.	Thực hiện nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương và phân cấp, phạm vi chức năng quản lý của địa phương	Các sở, ban, ngành, địa phương		Theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương	

Chú thích: Các nội dung nhiệm vụ có thể được bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của bộ ngành Trung ương.